TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST
Ngày: 07 - 9- 2023
V/v: "Tranh chấp về thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Thy Tuyết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Văn Đức.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Phú Huy- Thư ký Tòa án của TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hương Thu**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 về Tranh chấp về thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-HPT ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ trụ sở chính: Số 266 -268 đường N, phường V, quận 3, Tp Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám Đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành N, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ liên lạc: Số 130A – 130 – 132 đường B, phường H, quận H1, thành phố Đà Nẵng theo Giấy ủy quyền số: 3270/2022/QĐ- PL ngày 26/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S, Giấy ủy quyền ngày 24/3/2023 và Giấy ủy quyền ngày 16/8/2023 của Giám đốc chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần S tại thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Hoàng Thị Anh T**– Sinh năm: 1995. Nơi cư trú: K67/26 đường T, tổ 16 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 03/01/2018, bà Hoàng Thị Anh Tcó ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng), gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân. Căn cứ vào thu nhập của bà Hoàng Thị Anh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, với lãi suất 2,5% tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Hoàng Thị Anh T đã thực hiện 42 giao dịch với tổng số tiền 630.036.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Hoàng Thị Anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 616.237.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Hoàng Thị Anh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Hoàng Thị Anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 30/9/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 07/9/2023, bà Hoàng Thị Anh T còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc 17.927.901đồng, nợ lãi trong hạn 5.018.559đồng, nợ lãi quá hạn 10.037.117đồng.Tổng cộng 32.983.577đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm tám mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà Hoàng Thị Anh T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Hoàng Thị Anh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc bà Hoàng Thị Anh T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 07/9/2023 là 27.965.018đồng. Trong đó nợ gốc 17.927.901đồng, nợ lãi quá hạn 10.037.117đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 03/01/2018. Đối với khoản nợ lãi trong hạn 5.018.559đồng Ngân hàng miễn giảm không yêu cầu trả.

* Bị đơn bà Hoàng Thị Anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của bà Hoàng Thị Anh T trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TATC của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Hoàng Thị Anh T.

Đề nghị HĐXX buộc bà Hoàng Thị Anh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 17.927.901đồng, nợ lãi quá hạn 10.037.117đồng.Tổng cộng 27.965.018đồng tính đến ngày 07/9/2023. Đối với khoản nợ lãi trong hạn 5.018.559đồng Ngân hàng miễn giảm không yêu cầu trả. Bà T tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 03/01/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Bị đơn đang cư trú tại K67/26 đường T, tổ 16 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét vử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 07/9/2023 là 27.965.018đồng. Trong đó nợ gốc 17.927.901đồng, nợ lãi quá hạn 10.037.117đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 03/01/2018. Đối với khoản nợ lãi trong hạn

5.018.559đồng Ngân hàng miễn giảm không yêu cầu trả. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án.

[4] Hợp đồng tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng ngày 03.01.2018 được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn, có nội dung nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bị đơn với hạn mức sử dụng là 15.000.000đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,5%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, bị đơn có trách nhiệm thanh toán nợ theo thông báo giao dịch hàng tháng mà nguyên đơn gửi cho bị đơn theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện giao dịch nhiều lần với tổng số tiền là 630.036.000đồng, bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 616.237.000đồng (theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù nguyên đơn đã thực hiện thông báo giao dịch hàng tháng và nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 30/9/2021 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử ngày 07.9.2023, bị đơn còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 17.927.901đồng, nợ lãi quá hạn 10.037.117đồng. Tổng cộng 27.965.018đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng ngày 03.01.2018 được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của nguyên đơn, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ, điều này thể hiện bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết trong hợp đồng. Việc khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục đ□ợc tính kể từ ngày 08/9/2023 trên số d□ nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03/01/2018 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền bà Hoàng Thị Anh T phải chịu là (27.965.018đồng x 5%) = 1.398.250 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 585.700 đồng theo biên lai thu số 03787 ngày 31/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Hoàng Thị Anh T.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Hoàng Thị Anh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 27.965.018đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm mười tám đồng), trong đó nợ gốc là 17.927.901đồng, nợ lãi quá hạn 10.037.117đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 08/9/2023 trên số dư nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 03.01.2018 cho đến khi bà Hoàng Thị Anh T thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 1.398.250đồng bị đơn bà Hoàng Thị Anh T phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 585.700đồng theo biên lai thu số 03787 ngày 31/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Thy Tuyết